

名字 míng zì: _____ 日期 rì qí: _____

我大大的眼睛看到...

Wǒ dà dà de yǎn jīng kàn dào...

My big big eyes see...

● 會飛的...

Huì fēi de...

● 會爬的...

Huì pá de...

● 會跳的...

Huì tiào de...

● 在天上的...

Zài tiān shàng de...

● 有不同顏色的...

Yǒu bù tóng yán sè de...

● 有高有矮的...

Yǒu gāo yǒu ǎi de...

=== simplified Chinese 简体字 ===

● 会飞的...

● 会爬的...

● 会跳的...

● 在天上的...

● 有不同颜色的...

● 有高有矮的...

鳥。鸟
niǎo



樹。树
shù



花。huā



蚊子wén
zi



蝴蝶。
hú dié



兔子
tù zi



毛毛虫。
毛毛蟲
Máo mao chóng



雲。云
yún



蜜蜂。mì
fēng



名字: _____ 日期: _____

我大大的眼睛看到...

- 會飛的...
- 會爬的...
- 會跳的...
- 在天上的...
- 有不同顏色的...
- 有高有矮的...

- 会飞的...
- 会爬的...
- 会跳的...
- 在天上的...
- 有不同颜色的...
- 有高有矮的...

鳥。鸟
niǎo



樹。树
shù



花。huā



蚊子wén
zi



蝴蝶。
hú dié



兔子
tù zi



毛毛虫。
毛毛蟲
Máo mao chóng



雲。云
yún



蜜蜂。mì
fēng

